

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH TÂY NINH
Bản án số: 62/2022/HS-ST
Ngày **01-8-2022**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Tham phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Hùng.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Chiến;
2. Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Hải- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Võ Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2022 **đối với bị cáo:**

Trần Thị H (tên gọi khác: T), sinh năm 1975, tại: tỉnh Hà Nam; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đình H và bà Ngô Thị H; Có chồng là Trần Thành P và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/4/2022, tạm giam từ ngày 01/5/2022, đến ngày 05/7/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại. “Có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị T, sinh năm 1981. Nơi cư trú ấp: T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Chị Võ Thị Bé H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

4. Chị Phạm Thị Thu Tr, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

5. Chị Phan Thị T 1, sinh năm 1965. Nơi cư trú: ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

6. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1968. Nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

7. Chị Thái Thị T2, sinh năm 1961. Nơi cư trú: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

8. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

9. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

10. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1978, Nơi cư trú ấp C, xã Hc, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

11. Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

12. Chị Lê Thị B, sinh năm 1974. Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

13. Chị Cao Thị M, sinh năm 1966. Nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

14. Lý Thị D, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

(Bà M, anh Q, chị B, chị L, chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; chị T, Bé Hai, Thu T, T, M, T1, T, G, D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ 30 phút, ngày 22/4/2022, tại tiệm tạp hóa “Vinh Quang” thuộc ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, Công an huyện Châu Thành bắt quả tang Trần Thị H đang thu tiền lãi vay 500.000 đồng của bà Võ Thị Bé H, sinh năm 1978, Nơi cư trú ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Tiến hành khám xét nơi ở của H, tạm giữ nhiều đồ vật, tài liệu liên quan đến việc cho vay lãi nặng.

Quá trình điều tra xác định: Vào cuối năm 2017, Trần Thị H bỏ ra số tiền khoảng 300.000.000 đồng để cho nhiều người trên địa bàn huyện Châu Thành, thành phố Tây Ninh, thị xã Hoà Thành và huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. H cho người vay tiền thấp nhất là 5.000.000 đồng và cao nhất 100.000.000 đồng với lãi suất từ 120% đến 540%/năm,

gấp 06 đến 27 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, theo 2 hình thức như sau:

Hình thức vay trả góp hàng ngày với các khoản tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng/01 lần vay/01 người, thời hạn vay là 30 đến 60 ngày/01 lần vay, do người vay lựa chọn, khi cho vay không tính phí.

Hình thức vay tiền đứng thì đóng lãi hằng ngày với khoản tiền 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng/01 lần vay/01 người, không tính phí vay.

Từ cuối năm 2017 đến ngày 22/4/2022, trên các địa bàn huyện Châu Thành, thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành, Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, H đã cho **13 người/26** lượt vay, với tổng số tiền cho vay 375.000.000 đồng, tiền lãi tối đa được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 59.106.850 đồng. Trong thời gian trên H đã nhận lãi của **13** người là 391.226.667 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 332.119.817 đồng, cụ thể những người vay tiền gồm:

- Chị Trần Thị T, sinh năm 1981, Nơi cư trú ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh vay tổng cộng 05 lần cụ thể: Lần 01 vay tiền góp 10.000.000 đồng, **mỗi ngày góp 400.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày** với lãi suất 66.667 đồng/10.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận vay 30 ngày, tương ứng lãi suất 240%/năm. H đã thu lãi 30 ngày x 66.667 đồng/ngày = 2.000.000 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 10.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 164.384 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 1.835.616 đồng; Lần 02 vay như lần 01, số tiền thu lợi bất chính là 1.835.616 đồng; Lần 03 vay như lần 01, số tiền thu lợi bất chính là 1.835.616 đồng; Lần 04 vay tiền góp 10.000.000 đồng, **mỗi ngày góp 400.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày** với lãi suất 66.667 đồng/10.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận vay 30 ngày, tương ứng lãi suất 240%/năm. H đã thu lãi 17 ngày x 66.667 đồng/ngày = 1.133.333 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 10.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 93.151 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 1.040.183 đồng; Lần 05 vay tiền đứng số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 150.000 đồng/10.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 540%/năm. H đã thu lãi 180 ngày x 150.000 đồng/ngày = 27.000.000 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 10.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 986.301 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 26.013.699 đồng.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981, Nơi cư trú ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh vay tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay tiền góp 10.000.000 đồng, **mỗi ngày góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày** với lãi suất 50.000 đồng/10.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận vay 40 ngày, tương ứng lãi suất 180%/năm. H đã thu lãi 15 ngày x 50.000 đồng/ngày = 750.000 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 10.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 82.192 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 667.809 đồng; Lần 02 vay tiền đứng số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 25.000 đồng/5.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 180%/năm. H đã thu lãi 60 ngày x 25.000 đồng/ngày = 1.500.000 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 5.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 164.384 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 1.335.616 đồng.

- Chị Võ Thị Bé H, sinh năm 1978, Nơi cư trú ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh vay tiền góp tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay tiền góp 5.000.000 đồng, **mỗi ngày góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày** với lãi suất 25.000 đồng/5.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận vay 40 ngày, tương ứng lãi suất 180%/năm. H đã thu lãi 40 ngày x 25.000 đồng/ngày = 1.000.000 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 5.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 109.589 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 890.411 đồng; Lần 02 vay tiền góp 5.000.000 đồng, **mỗi ngày góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày** với lãi suất 25.0000 đồng/5.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận vay 40 ngày, tương ứng lãi suất 180%/năm. H đã thu lãi 19 ngày x 25.000 đồng/ngày = 475.000 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 10.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 52.055 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 422.945 đồng.

- Chị Phạm Thị Thu Tr, sinh năm 1978, Nơi cư trú ấp H, xã N, huyện D, tỉnh Tây Ninh vay tiền góp tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay tiền góp 5.000.000 đồng, **mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày** với lãi suất 33.333 đồng/5.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận vay 30 ngày, tương ứng lãi suất 240%/năm. H đã thu lãi 30 ngày x 33.333 đồng/ngày = 1.000.000 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 5.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 82.192 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 917.808 đồng; Lần 02 vay tiền góp 10.000.000 đồng, **mỗi ngày góp 400.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày** với lãi suất 66.667 đồng/10.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận vay 30 ngày, tương ứng lãi suất 240%/năm. H đã thu lãi 30 ngày x 66.667 đồng/ngày = 2.000.000 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 10.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 164.384 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 1.835.616 đồng.

- Chị Phan Thị T 1, sinh năm 1965, Nơi cư trú ấp An Điền, xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vay tiền góp 01 lần số tiền 10.000.000 đồng, **mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày** với lãi suất 33.333 đồng/10.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận vay 60 ngày, tương ứng lãi suất 120%/năm. H đã thu lãi 44 ngày x 33.333 đồng/ngày = 1.466.667 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 10.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 241.096 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 1.225.571 đồng.

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1968, Nơi cư trú ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh vay tiền góp tổng cộng 04 lần cụ thể: Lần 01 vay tiền góp 10.000.000 đồng, **mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày** với lãi suất 33.333 đồng/10.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận vay 60 ngày, tương ứng lãi suất 120%/năm. H đã thu lãi 60 ngày x 33.333 đồng/ngày = 2.000.000 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 10.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 328.767 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 1.671.233 đồng; Lần 02 vay như lần 01, số tiền thu lợi bất chính là 1.671.233 đồng; Lần 03 vay như lần 01, số tiền thu lợi bất chính là 1.671.233 đồng; Lần 04 vay tiền góp 10.000.000 đồng, **mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày** với lãi suất 33.333 đồng/10.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận vay 60 ngày, tương ứng lãi suất 120%/năm. H đã thu lãi 11 ngày x 33.333 đồng/ngày = 366.667 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật

đối với khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} = 60.274 \text{ đồng}$. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 306.393 đồng.

- Chị Thái Thị T2, sinh năm 1961, Nơi cư trú ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh vay tiền góp 01 lần số tiền 30.000.000 đồng, **mỗi ngày góp 600.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày** với lãi suất 100.000 đồng/30.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận vay 60 ngày, tương ứng lãi suất 120%/năm. H đã thu lãi 31 ngày $\times 100.000 \text{ đồng/ngày} = 3.100.000 \text{ đồng}$, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} = 509.589 \text{ đồng}$. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 2.590.411 đồng.

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983, Nơi cư trú ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh vay tiền đứng tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay tiền đứng số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 100.000 đồng/30.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 120%/năm. H đã thu lãi 180 ngày $\times 100.000 \text{ đồng/ngày} = 18.000.000 \text{ đồng}$, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} = 2.958.904 \text{ đồng}$. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 15.041.096 đồng; Lần 02 vay tiền đứng số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 50.000 đồng/5.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 360%/năm. H đã thu lãi 90 ngày $\times 50.000 \text{ đồng/ngày} = 4.500.000 \text{ đồng}$, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là $5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} = 246.575 \text{ đồng}$. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 4.253.425 đồng.

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978, Nơi cư trú ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh vay tiền đứng 01 lần số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 34.000 đồng/10.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 122,4%/năm. H đã thu lãi 810 ngày $\times 34.000 \text{ đồng/ngày} = 27.540.000 \text{ đồng}$, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} = 4.438.356 \text{ đồng}$. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 23.101.644 đồng.

- Chị Phạm Thị N, sinh năm 1978, Nơi cư trú ấp Cầu Trường, xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vay tiền đứng tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay tiền đứng số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 133.000 đồng/40.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 120%/năm. H đã thu lãi 120 ngày $\times 133.000 \text{ đồng/ngày} = 15.960.000 \text{ đồng}$, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là $40.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} = 2.630.137 \text{ đồng}$. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 13.329.863 đồng; Lần 02 vay tiền đứng số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 167.000 đồng/50.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 120%/năm. H đã thu lãi 720 ngày $\times 167.000 \text{ đồng/ngày} = 120.240.000 \text{ đồng}$, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là $50.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} = 19.726.027 \text{ đồng}$. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 100.513.913 đồng.

- Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1992, Nơi cư trú ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh vay tiền đứng 01 lần số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 67.000 đồng/20.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 120%/năm. H đã thu lãi 1500 ngày $\times 67.000 \text{ đồng/ngày} = 100.500.000 \text{ đồng}$, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} = 16.438.356 \text{ đồng}$. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 84.061.644 đồng.

- Chị Lê Thị B, sinh năm 1974, Nơi cư trú ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh vay tiền đứng tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay tiền đứng số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 33.000 đồng/10.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 120%/năm. H đã thu lãi 210 ngày x 33.000 đồng/ngày = 6.930.000 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 10.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 1.150.685 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 5.779.315 đồng; Lần 02 vay tiền đứng số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 17.000 đồng/5.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 120%/năm. H đã thu lãi 180 ngày x 17.000 đồng/ngày = 3.060.000 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 5.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 493.151 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 2.566.849 đồng.

- Chị Cao Thị M, sinh năm 1966, Nơi cư trú khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh vay tiền đứng số tiền 35.000.000 đồng với lãi suất 117.000 đồng/35.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 120%/năm. H đã thu lãi 365 ngày x 117.000 đồng/ngày = 42.705.000 đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật đối với khoản vay là 35.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 7.000.000 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính 35.705.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trần Thị H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 47/CT-VKSCT ngày 04/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Trần Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo H về tội danh trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử **căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự**, xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố và không có ý kiến tranh luận bào chữa cho mình.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo phạm tội lần đầu, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời khai và yêu cầu của họ đã có đầy đủ trong hồ sơ vụ án, việc

xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[3] **Về tội danh:** trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù H với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã chứng minh được như sau: trong **khoảng thời gian từ cuối năm 2017 đến ngày 22/4/2022, trên địa bàn huyện Châu Thành, thành phố Tây Ninh, huyện Dương Minh Châu và thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh, Trần Thị H đã cho 13 người/26 lượt vay tiền với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Đối với khoản vay trả góp thì lãi suất từ 120% đến 240%/năm (gấp từ 06 lần đến 12 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Đối với khoản vay tiền đứng thì lãi suất từ 120% đến 540%/năm (gấp từ 06 lần đến 27 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Tổng số tiền cho vay 375.000.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 332.119.817 đồng, trong đó có 03 lần thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng.**

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong một thời gian dài, đối với nhiều người, số tiền thu lợi bất chính lớn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của **bị cáo** nhằm thể hiện sự răn đe, giáo dục đối bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Nhưng khi áp dụng hình phạt có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng

trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường H ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo có 03 lần thu lợi bất chính số tiền trên 30.000.0000 đồng, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Xét thấy bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường H ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có khả năng thi hành án bằng hình phạt tiền, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: do đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Do áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo nên Lệnh kê biên số: **08/LKB-CSĐT ngày 14/6/2022** của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh được duy trì cho đến khi thi hành án xong.

[8] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

[8.1] Đối với khoản tiền cho vay bị cáo thu hồi được từ những người vay và khoản tiền gốc người vay chưa hoàn trả cho bị cáo, là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước (buộc những người vay nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước), cụ thể:

- Buộc bị cáo H nộp lại số tiền cho vay đã thu hồi là **155.958.000** đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- Buộc những người vay chưa hoàn trả số tiền vay gốc cho bị cáo H nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước như sau: Trần Thị T nộp lại số tiền 14.333.000 đồng; Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 11.250.000 đồng; Võ Thị Bé H nộp lại số tiền 2.625.000 đồng; Phan Thị T 1 nộp lại số tiền 2.666.000 đồng; Nguyễn Thị M nộp lại số tiền 8.166.000 đồng; Thái Thị T2 nộp lại số tiền 14.500.000 đồng; Nguyễn Thị M nộp lại số tiền 35.000.000 đồng; Nguyễn Văn Q nộp lại số tiền 10.000.000 đồng; Phạm Thị N nộp lại số tiền 50.000.000 đồng; Nguyễn Thị G nộp lại số tiền 20.000.000 đồng; Lê Thị B nộp lại số tiền 15.000.000 đồng; Cao Thị M nộp lại số tiền 35.000.000 đồng.

[8.2] Đối với khoản tiền lãi **tương ứng với lãi suất 20%/năm** là **59.106.000**

đồng. Đây là tiền liên quan đến việc phạm tội mà có nên buộc bị cáo H nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8.3] Đối với khoản tiền **lãi vượt quá lãi suất 20%/năm**, đây là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ người vay nên buộc bị cáo trả lại cho người vay. Cụ thể, buộc bị cáo trả như sau: trả lại cho Trần Thị T 32.560.000 đồng; trả lại cho Nguyễn Thị H 2.003.000 đồng; trả lại cho Võ Thị Bé H 1.313.000 đồng; trả lại cho Phạm Thị Thu Tr số tiền 2.753.000 đồng; trả lại cho Phan Thị T 1 1.225.000 đồng; trả lại cho Nguyễn Thị M 5.320.000 đồng; trả lại cho Thái Thị T2 2.590.000 đồng; trả lại cho Nguyễn Thị M 19.294.000 đồng; trả lại cho Nguyễn Anh Quân 23.101.000 đồng; trả lại cho Phạm Thị N 113.843.000 đồng; trả lại cho Nguyễn Thị G 84.061.000 đồng; trả lại cho Lê Thị B 8.346.000 đồng; trả lại cho Cao Thị M 35.705.000 đồng

[9] **Về xử lý vật chứng:** Tiền Việt Nam: 29.670.000 đồng, trong đó có 500.000 đồng là tiền gốc, lãi thu của người vay nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại là 29.170.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, số Imiel: 3592160737243386. Bị cáo dùng điện thoại này để liên lạc trong việc cho vay lãi nặng nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH, màu trắng, biển số: 70D1 – 379.75. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền thu lợi bất chính phải trả cho những người vay; những người vay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

[11] **Đối với những người vay tiền có tên thể hiện trong sổ gồm:** T nhà Bến Kéo; L; H; T mập làm việc xã Thanh Điền; Chị S; Đ công nhân công ty Đức Long; Tráng Nhã; Ban N công nhân công ty Bando; P vợ A nhà xã Thanh Điền; N công nhân công ty Vinagio; Ú làm củi; T công nhân công ty Hoàng Gia; M nhà ấp Thanh Hòa; C nhà ấp Thanh Hùng; Tđen (cháu chị M) nhà sau nhà thờ Phước Điền; C (mẹ L); Phan Thị Thanh T (vợ Tr); Chị Bảy H; Q thịt bò; Y bán dưa; Bé H Long Vĩnh; do không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể và một số người đã bỏ địa phương, không làm việc được nên tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Ngoài ra, Trần Thị H còn cho chị Thái Thị T2 vay tiền góp 26 lần với tổng số tiền là 1.025.000.000 đồng, số tiền cho vay thấp nhất là 10.000.000 đồng/1 lần, cao nhất là 100.000.000 đồng/1 lần, với mức lãi suất cao nhất là 7,36%/tháng, tương ứng 88,42%/năm, gấp 4,42 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468

Bộ luật Dân sự nhưng chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; cho chị Lý Thị D, sinh năm 1977, Nơi cư trú ấp An Điền, xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vay tiền đúng 01 lần số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 50.000 đồng/50.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 36%/năm, gấp 1,8 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và cho chị Cao Thị M vay tiền đúng 01 lần số tiền 35.000.000 đồng với lãi suất 93.000 đồng/35.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 95,65%/năm, gấp 4,78 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nhưng chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự nên không xử lý hình sự các lần vay này. Nếu các bên có yêu cầu sẽ giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Trần Thị H 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên số: 08/LKB-CSĐT ngày 14-6-2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cho đến khi thi hành xong hình phạt.

3. Biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1 Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo H nộp lại số tiền cho vay đã thu hồi là 155.958.000 (Một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm năm mươi tám nghìn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc những người vay chưa hoàn trả số tiền vay gốc cho bị cáo H nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước như sau: Trần Thị T nộp lại số tiền 14.333.000 (Mười bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng; Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 11.250.000 (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng; Võ Thị Bé H nộp lại số tiền 2.625.000 (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng; Phan Thị T 1 nộp lại số tiền 2.666.000 (Hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng; Nguyễn Thị M nộp lại số tiền 8.166.000 (Tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn)

đồng; Thái Thị T2 nộp lại số tiền 14.500.000 (Mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng; Nguyễn Thị M nộp lại số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng; Nguyễn Văn Q nộp lại số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng; Phạm Thị N nộp lại số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng; Nguyễn Thị G nộp lại số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng; Lê Thị B nộp lại số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng; Cao Thị M nộp lại số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

- Buộc bị cáo H nộp lại số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là **59.106.000 (Năm mươi chín triệu một trăm lẻ sáu triệu) đồng** để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo H trả lại cho người vay số tiền lãi vượt quá lãi suất 20%/năm, đây là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ người vay nên buộc bị cáo trả lại cho người vay. Cụ thể, buộc bị cáo trả như sau: trả lại cho Trần Thị T 32.560.000 (Ba mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng; trả lại cho Nguyễn Thị H 2.003.000 (Hai triệu không trăm lẻ ba nghìn) đồng; trả lại cho Võ Thị Bé H 1.313.000 (Một triệu ba trăm mười ba nghìn) đồng; trả lại cho Phạm Thị Thu Tr số tiền 2.753.000 (Hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn) đồng; trả lại cho Phan Thị T 1 1.225.000 (Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng; trả lại cho Nguyễn Thị M 5.320.000 (Năm triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng; trả lại cho Thái Thị T2 2.590.000 (Hai triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng; trả lại cho Nguyễn Thị M 19.294.000 (Mười chín triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn) đồng; trả lại cho Nguyễn Anh Quân 23.101.000 (Hai mươi ba triệu một trăm lẻ một nghìn) đồng; trả lại cho Phạm Thị N 113.843.000 (Một trăm mười ba triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn) đồng; trả lại cho Nguyễn Thị G 84.061.000 (Tám mươi bốn triệu không trăm sáu mươi một nghìn) đồng; trả lại cho Lê Thị B 8.346.000 (Tám triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng; trả lại cho Cao Thị M 35.705.000 (Ba mươi lăm triệu bảy trăm lẻ năm nghìn) đồng.

3.2 Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, số Imiel: 3592160737243386.

- Trả lại cho bị cáo H số tiền 29.170.000 (Hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH, màu trắng, biển số: 70D1 – 379.75.

(Vật chứng của vụ án hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/8/2022).

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo H phải chịu 16.605.700 (Mười sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn bảy trăm) đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự

sơ thẩm.

- Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường H bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Nhà tạm giữ Châu Thành;
- Thi hành án hình sự;
- Người TGTT;
- Sở TP;
- Lưu tập án; Lưu hồ sơ.

Nguyễn Quốc Hùng

